

BẢN SAO



ROYAL VIETNAM
Consulting & Auditing

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ
THỊ BỈM SƠN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BÌNH SƠN

Địa chỉ: Số 76 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bình Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

MỤC LỤC

NỘI DUNG

Trang số

Báo cáo của Ban Giám đốc	02
Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập	03 - 04
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018	08
Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018	09 - 16

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bim Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Trịnh Văn Tiến

Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ trụ sở chính: Số 76 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 26-06-2019
Số: 1923/Quyển.07.....SCT/NT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

Trịnh Văn Tiến
Chủ tịch HĐQT

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 2 năm 2019

Số: 274-2018 /BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính năm 2018

của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bim Sơn

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bim Sơn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bim Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty, theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn và Công ty cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý của toàn bộ chứng từ và các nghiệp vụ phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về việc báo cáo tài chính có được lập và trình bày theo đúng hướng dẫn quy định hay không dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Công ty có trình bày phù hợp với quy định về mẫu báo cáo hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm kiểm tra về việc lập và trình bày số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm việc trình bày các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính. Khi thực hiện kiểm tra, Kiểm toán viên đã xem xét các số liệu của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

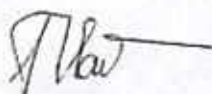
Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu thì số liệu tại Báo cáo tài chính đính kèm của Công ty bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã phản ánh trung thực và hợp lý với kết quả kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội; đã được trình bày đầy đủ các khoản mục và phù hợp với Chế độ Báo cáo tài chính doanh nghiệp hiện hành.

Lập, ngày 20 tháng 2 năm 2019

Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
2023-2017-220-1



Số giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
3649-2016-220-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Ms	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.543.489.006	12.103.526.547
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		156.024.788	673.221.354
1. Tiền	111		156.024.788	673.221.354
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.158.897.717	8.134.238.356
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3.721.881.282	5.135.819.130
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.256.980.000	1.256.980.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		437.057.732	1.041.090.842
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		742.978.703	700.348.384
IV. Hàng tồn kho	140		4.211.166.501	3.292.206.261
1. Hàng tồn kho	141		4.211.166.501	3.292.206.261
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.400.000	3.860.576
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.400.000	
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153		-	3.860.576
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.856.434.078	6.932.689.698
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.206.096.019	4.079.383.287
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5.206.096.019	4.079.383.287
<i>Nguyên giá</i>	222		10.212.277.739	8.594.095.921
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(5.006.181.720)	(4.514.712.634)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.526.950.466	2.526.950.466
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.526.950.466	2.526.950.466
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		123.387.593	326.355.945
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		123.387.593	326.355.945
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		18.399.923.084	19.036.216.245

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bim Sơn
Địa chỉ: Số 76 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Ms TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	9.557.330.806	10.284.936.192
I. Nợ ngắn hạn	310	9.557.330.806	10.284.936.192
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.254.737.629	1.751.319.139
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	3.124.000	7.124.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	457.667.318	910.126.613
4. Phải trả người lao động	314	693.382.888	979.179.740
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	355.172.303	1.662.160.439
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.651.350.000	4.836.159.631
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	141.896.668	138.866.630
II. Nợ dài hạn	330	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	8.842.592.278	8.751.280.053
I. Vốn chủ sở hữu	410	8.842.592.278	8.751.280.053
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	7.205.000.000	7.205.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	275.000.000	275.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	37.102.390	37.102.390
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	705.644.843	702.742.625
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	619.845.045	531.435.038
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	18.399.923.084	19.036.216.245

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 2 năm 2019

Người lập biểu

Gong Thi Thuy
Gong Thi Thuy

Kế toán trưởng

Minh Anh
Minh Anh
BACH MINH ANH

Chủ tịch HĐQT

Trinh Van Tien
Trinh Van Tien

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bim Sơn
Địa chỉ: Số 76 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bim Sơn,
Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

CHỈ TIÊU	Ms	TM	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		23.231.827.893	24.818.566.797
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		23.231.827.893	24.818.566.797
4. Giá vốn hàng bán	11		19.975.616.713	21.830.038.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.256.211.180	2.988.528.147
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.168.537	3.170.476
7. Chi phí tài chính	22		354.989.608	278.466.505
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		354.989.608	278.466.505
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.037.161.157	1.988.248.313
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		866.228.952	724.983.805
11. Thu nhập khác	31		147.658.865	-
12. Chi phí khác	32		220.741.630	13.792.186
13. Lợi nhuận khác	40		(73.082.765)	(13.792.186)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		793.146.187	711.191.619
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		173.301.142	96.893.316
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		619.845.045	614.298.303

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 26-06-2019
Số: 56/23 Quyển 01

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 2 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thuý
Nguyễn Thị Thuý

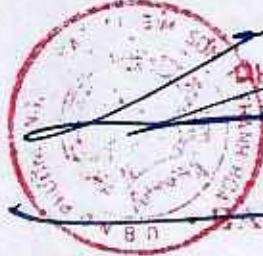
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng
Nguyễn Thị Hồng

Chủ tịch HĐQT



Trần Văn Tiến



CHỦ TỊCH

TRÁCH NHIỆM

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bim Sơn

Địa chỉ: Số 76 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bim Sơn,
Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

TT	Chi tiêu	MS	TM	Năm 2018 VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		23.293.317.871
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(2.351.319.139)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3		(8.990.208.072)
4	Tiền lãi vay đã trả	4		(354.989.608)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(138.541.217)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		-
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(9.892.815.307)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.565.444.528
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		(1.900.000.000)
5	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		2.168.537
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.897.831.463)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
3	Tiền thu từ đi vay	33		5.800.000.000
4	Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34		(5.984.809.631)
5	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(184.809.631)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(517.196.566)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		673.221.354
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		156.024.788

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 21-06-2019
Số: 192/34 Quyển: 07 SCT/NT

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 2 năm 2019

Người lập biểu

[Signature]
Bong Chi Chuong

Kế toán trưởng

[Signature]
Danh Chi Hong
[Red circular stamp]

[Signature]
Trinh Van Tien
[Red circular stamp]

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bim Sơn
Địa chỉ: Số 76 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bim Sơn,
Tỉnh Thanh Hóa

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bim Sơn là Công ty Cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800786273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 03 năm 2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 07 năm 2016.

2. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, duy tu bảo dưỡng các Công trình giao thông;
- Nạo vét cống rãnh và thoát nước đô thị, thu gom rác thải, ương cây giống và duy trì cây xanh đô thị;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng và cầu kiện đúc sẵn;
- Quản lý đô thị, lắp đặt điện nước;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, nước giải khát, khách sạn, du lịch;
- Sản xuất kinh doanh phân bón, xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Khai thác khoáng sản, phụ gia xi măng, đá, đất;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ;
- Cho thuê nhà, khi bãi, kiốt.

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh những ngành nghề pháp luật cho phép. Chi tiết theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.

3. Vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty theo Đăng ký kinh doanh là: 7.205.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm lẻ năm triệu đồng chẵn).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và các Thông tư hướng dẫn kèm theo phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh tại Công ty.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Sổ kế toán trên máy vi tính. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính.

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo;

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- + Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do không đúng quy cách, phẩm chất;
- + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- + Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- + Chi phí bán hàng;
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm cuối năm, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với các văn bản hiện hành của Nhà nước về Khấu hao Tài sản cố định.

5. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

+ Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản Chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư XDCB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn tiêu thức và phương pháp phân bổ hợp lý.

Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư XDCB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn. Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

8. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Các nghĩa vụ về thuế

Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu, quỹ

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.607.920	109.602.125
Tiền gửi ngân hàng	154.416.868	563.619.229
Tổng cộng	156.024.788	673.221.354

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng	3.721.881.282	5.135.819.130
b) Trả trước cho người bán	1.256.980.000	1.256.980.000
c) Các khoản phải thu khác	742.978.703	700.348.384

3. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
Nguyên liệu, vật liệu	-	735.000	-	735.000
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	4.210.431.501	-	3.291.471.261
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hoá	-	-	-	-
Cộng	-	4.211.166.501	-	3.292.206.261

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018
A - Tài sản cố định hữu hình				
Nguyên giá	8.594.095.921	1.900.000.000	281.818.182	10.212.277.739
Giá trị hao mòn lũy kế	4.514.712.634	630.225.396	138.756.310	5.006.181.720
Giá trị còn lại	4.079.383.287			5.206.096.019
B - Tài sản cố định vô hình				
Nguyên giá	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-			-
C- Tài sản cố định thuê tài chính				
Nguyên giá	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-			-

5. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.526.950.466	2.526.950.466
Tổng cộng	2.526.950.466	2.526.950.466

6. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn	123.387.593	326.355.945
Tổng cộng	123.387.593	326.355.945

7. Các khoản phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải trả người bán	3.254.737.629	1.751.319.139
b) Người mua trả tiền trước	3.124.000	7.124.000
c) Phải trả khác	355.172.303	1.662.160.439

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	457.667.318	910.126.613
Tổng cộng	457.667.318	910.126.613

9. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	4.651.350.000	4.836.159.631
Vay và nợ dài hạn	-	-
Tổng cộng	4.651.350.000	4.836.159.631

10. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	7.205.000.000	-	-	7.205.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	275.000.000	-	-	275.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	37.102.390	-	-	37.102.390
4. Quỹ đầu tư phát triển	702.742.625	2.902.218	-	705.644.843
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-
6. LNST chưa phân phối	531.435.038	619.845.045	531.435.038	619.845.045
7. Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản	-	-	-	-
Cộng	8.751.280.053	622.747.263	531.435.038	8.842.592.278

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn góp của cá nhân	7.205.000.000	7.205.000.000
Tổng cộng	7.205.000.000	7.205.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Chi tiết doanh thu và thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	23.231.827.893	24.818.566.797
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.231.827.893	24.818.566.797
Doanh thu hoạt động tài chính	2.168.537	3.170.476
Thu nhập khác	147.658.865	-
Tổng cộng	23.381.655.295	24.821.737.273

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	19.975.616.713	21.830.038.650
Tổng cộng	19.975.616.713	21.830.038.650

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bim Sơn
Địa chỉ: Số 76 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Trạo, Thị xã Bim Sơn,
Tỉnh Thanh Hóa

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018

3. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	354.989.608	278.466.505
Tổng cộng	354.989.608	278.466.505

4. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí khác	220.741.630	13.792.186
Tổng cộng	220.741.630	13.792.186

5. Chi phí thuế TNDN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN	173.301.142	96.893.316
Tổng cộng	173.301.142	96.893.316



VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017 của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bim Sơn.

2. Thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế với việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 2 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BİM SƠN

Người lập biểu

[Signature]
Trịnh Văn Tiến

Kế toán trưởng

[Signature]
Mai Thị Hồng

Chủ tịch HĐQT

[Signature]
Trịnh Văn Tiến

